TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **96**/2025/HS-ST Ngày: 29-9-2025	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Bình Hòa.

Ông Ngô Xuân Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Ông Bùi Long Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 72/2025/TLST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2025/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thị X** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 01/01/1978, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Căn cước công dân: 074178003555; nơi đăng ký thường trú: Khu phố P, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Số B, Tổ B, khu phố Đ, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Bán vé số dạo; trình độ văn hoá: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N (đã chết) và bà Võ Thị Đ (đã chết); có chồng: Huỳnh Văn H (đã ly hôn năm 2019) và có 02 người con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ ngày 13/3/2025, sau đó chuyển qua tạm giam cho đến nay, có mặt.

- *Bị hại*: Ông Phạm Minh Q, sinh năm 1947; cư trú tại: Số B, đường Đ, khu phố Đ, phường C, TP ., có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

+ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1954; cư trú tại: Tổ H, Khu phố D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

+ Chị Đỗ Thị Bích N1, sinh năm 1985; cư trú tại: Lô L, Ô số I, Khu N, khu phố P, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1990, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị X làm nghề bán vé số dạo và có quan hệ quen biết với ông Phạm Minh Q, sinh năm 1947; đăng ký thường trú tại: Số B, đường Đ, khu phố Đ, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Khoảng 08 giờ ngày 06/3/2025, X đi bán vé số thì gặp ông Q đứng trước cửa nhà của ông Q, ông Q mua của X 04 tờ vé số. Sau khi mua vé số xong, ông Q và X hẹn nhau lúc 09 giờ cùng ngày sẽ gặp nhau tại nhà nghỉ T phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh) để quan hệ tình dục. Khoảng 09 giờ cùng ngày, X điều khiển xe mô tô kiểu dáng Honda Dream, biển số 61H2-5349 đến nhà nghỉ T vào phòng số 09 thì thấy ông Q đã đợi sẵn. Tiếp đó, X đẩy xe mô tô của X vào trong phòng số 09, sau khi vào trong phòng, X và ông Q nằm trên giường, X nhìn thấy ông Q có đeo 01 chiếc nhẫn màu vàng trên tay phải nên đã dùng 02 tay rút lấy chiếc nhẫn của ông Q ra, ông Q phát hiện và yêu cầu X trả lại nhưng X không trả và nhanh chóng đi vào trong nhà vệ sinh để mặc lại quần áo. Sau khi mặc quần áo xong, X gỡ chiếc nhẫn (X khai là vàng giả) của X đang đeo trên tay rồi đưa cho ông Q, ông Q cầm chiếc nhẫn mà X đưa lên xem thì biết không phải là chiếc nhẫn của mình nên nói "Đây không phải nhẫn của tôi" và tiếp tục yêu cầu X trả lại nhẫn nhưng X không trả và đẩy xe của X ra khỏi phòng trọ. Lúc này, ông Q ngồi dậy đóng cửa phòng lại không cho X ra và đi ra khỏi phòng kêu quản lý nhà nghỉ đến giải quyết vụ việc. Lợi dụng lúc ông Q ra ngoài kêu quản lý nhà nghỉ, X nhanh chóng đẩy xe của X ra ngoài để tẩu thoát nhưng bị ông Q đứng trước đầu xe chặn lại và rút chìa khoá xe của X rồi dùng tay xô ngã xe của X. X dùng 02 tay giật lấy chìa khoá xe trên tay của ông Q làm ông Q mất thăng bằng và té ngã, lợi dụng trong lúc quản lý nhà nghỉ T là anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1990, cư trú tại nhà nghỉ T chạy đến đỡ ông Q đứng dậy thì X nhanh chóng điều khiển xe tẩu thoát. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, ông Q đến Công an phường T Hiệp trình báo vụ việc và giao nộp cho Cơ quan Công an 01 chiếc nhẫn màu vàng (nghi là vàng giả) do X đưa cho ông Q và 01 túi đựng vàng bằng giấy bên ngoài có in dòng chữ "KIM HOA I" tên sản phẩm "01 nhẫn trơn 9999, cân nặng 05 chỉ, đơn giá 8.500.000, tổng 42.500.000 đ".

Đối với Trần Thị X, sau khi chiếm đoạt được chiếc nhẫn của ông Q, X mang đến Tiệm vàng Lê Thành Hòa L, địa chỉ tại Khu nhà ở thương mại C, khu phố P, phường H, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh) bán cho chị Đỗ Thị Bích N1, sinh năm 1985, cư trú tại địa chỉ nêu trên (là chủ tiệm V) được số tiền 45.000.000 đồng và X đã tiêu xài hết số tiền trên. Đối với chiếc nhẫn vàng mà chị N1 thu mua của X, chị N1 đã nấu lại thành khối với những sản phẩm bằng vàng khác nên Cơ quan Công an không thu giữ được. Đến ngày 13/3/2025, trong lúc X đang bán vé số dạo tại khu vực Chợ N2 thì lực lượng Công an phường T Hiệp đến mời X về trụ sở Công an phường để làm việc, tại Cơ quan Công an, X đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Theo Kết luận định giá tài sản số 55/KL-HĐĐGTS ngày 18/3/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự thành phố T, kết luận: 01 (một) nhẫn trơn bằng vàng 9999, trọng lượng 05 chỉ trị giá 46.100.000 đồng.

Theo Chứng thư giám định số 00202/N1.25/TD ngày 06/5/2025 của Trung tâm K tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 01 nhẫn trơn hình tròn bằng kim loại màu vàng (nhẫn của Trần Thị X dùng tráo đổi với nhẫn của ông Phạm Minh Q) khối lượng khối lượng 4,5136 gam, có thành phần kim loại như sau: Sắt (F) khoảng 74 %, chrome (C) khoảng 15

%, mangan (M) khoảng 09 %, nickel (N) khoảng 01 % và đồng (Cu) khoảng 01 %; thành phần hóa học lớp phủ: Bề mặt có lớp phủ chứa vàng.

* Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) xe mô tô hiệu Drum (kiểu dáng H), màu nâu, biển số 61H2-5349, số máy LC150FMG1A01603248, số khung DU100200100648.

- 01 (một) nhẫn trơn hình tròn bằng kim loại màu vàng (đã giám định và xác định là vàng giả).

* Xử lý vật chứng: Đối với 01 xe mô tô biển số 61H2-5349 và 01 nhẫn trơn hình tròn bằng kim loại màu vàng của Trần Thị X, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định chuyển vật chứng đến Phòng Thi hành án dân sự khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh để xem xét xử lý theo quy định pháp luật.

* Trách nhiệm dân sự: Ông Phạm Minh Q yêu cầu Trần Thị X bồi thường 05 chỉ vàng 9999, hiện X chưa bồi thường cho ông Q.

Cáo trạng số 60/CT-VKSKV15 ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Trần Thị X về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017).

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị tuyên bố bị cáo Trần Thị X phạm tội "Cướp giật tài sản".

Về hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017):

Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thị X mức hình phạt từ 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Buộc bị cáo phải trả lại cho ông Phạm Minh Q số tiền 46.100.000đ (bốn mươi sáu triệu, một trăm nghìn đồng).

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) xe mô tô hiệu Drum (kiểu dáng H), màu nâu, biển số 61H2-5349, số máy LC150FMG1A01603248, số khung DU100200100648.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) nhẫn trơn hình tròn bằng kim loại màu vàng (đã giám định và xác định là vàng giả).

- Tại phần tranh luận, bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt và mức hình phạt đã đề nghị. Trong nói lời sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi sai trái của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện trong quá trình điều tra, truy tố đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, lời khai của bị hại cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 06/3/2025, tại nhà nghỉ T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh), bị cáo Trần Thị X đã có hành vi nhanh chóng giật lấy 01 chiếc nhẫn bằng vàng 9999 trị giá 46.100.000 đồng của ông Phạm Minh Q (người đã trên 70 tuổi) đang đeo trên tay và nhanh chóng tẩu thoát. Do đó, hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản" với tình tiết định khung "Phạm tội đối với người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ" được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017). Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi mà bị cáo thực hiện đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam, lười lao động nên để có tiền tiêu xài và trả nợ, bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, để có tác dụng giáo dục bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật, cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi mà bị cáo đã thực hiện; cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tại phiên tòa, bị hại đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Căn cứ nhân thân, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, cũng như tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là cao nên Hội đồng xét xử điều chỉnh khi quyết định hình phạt cho phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Đối với 01 (một) nhẫn trơn bằng vàng 9999, trọng lượng 05 chỉ trị giá 46.100.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại; tuy nhiên sau khi thu mua chiếc nhẫn vàng này thì chị Đỗ Thị Bích N1 (chủ tiệm V) đã nấu lại thành khối với những sản phẩm bằng vàng khác nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được. Do

đó, cần buộc bị cáo phải trả cho bị hại số tiền 46.100.000 đồng theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[8] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Drum (kiểu dáng H), màu nâu, biển số 61H2-5349, số máy LC150FMG1A01603248, số khung DU100200100648. Quá trình điều tra, bị cáo xác định là do bị cáo được người khác tặng cho; còn người đứng tên sở hữu là bà Nguyễn Thị M cho rằng đây không phải là chiếc xe của bà M. Do bị cáo dùng chiếc xe này để nhanh chóng tẩu thoát nên cần tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) nhẫn trơn hình tròn bằng kim loại màu vàng (đã giám định và xác định là vàng giả). Bị cáo đã đưa cho bị hại nhằm có cơ hội tẩu thoát và không còn giá trị nên tịch thu, tiêu hủy.

[9] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 106, 136, 260, 292, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 268 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 47 và Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Thị X phạm tội "Cướp giật tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Thị X 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/3/2025.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Thị X phải trả cho bị hại Phạm Minh Q số tiền 46.100.000đ (bốn mươi sáu triệu, một trăm đồng).

4. Về biện pháp tư pháp:

4.1. Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) xe mô tô hiệu Drum (kiểu dáng H), màu nâu, biển số 61H2-5349, số máy LC150FMG1A01603248, số khung DU100200100648.

4.2. Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) nhẫn trơn hình tròn bằng kim loại màu vàng là vàng giả (theo Chứng thư giám định số 00202/N1.25/TD ngày 06/5/2024 của Trung tâm K).

(*Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 086.25 ngày 15 tháng 9 năm 2025 giữa Công an Thành phố H và Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh*)

5. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Thị X phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.305.000đ (hai triệu, ba trăm lẻ lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

8. Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định./.

***Nơi nhận*:**
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an TP. Hồ Chí Minh (PV06);
- CQTHAHS Công an TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 15-TPHCM;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh (Phòng THADS Khu vực 15);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Vọng